

Số: 284/BC-XSKT

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2021”

(Ban hành kèm theo kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Đoàn Giám sát)

Kính gửi:

- Đoàn Giám sát HĐND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh.

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-ĐGS ngày 19/8/2022 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2021”; Công văn số 814/TTT-NV3 ngày 26/8/2022 của Thanh tra tỉnh và Công văn số 2915/STC-TTr ngày 29/8/2022 của Sở Tài chính tỉnh, Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Ninh Thuận (sau đây gọi là Công ty) báo cáo về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2021” như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (PCTN)

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Công ty

Đảng ủy, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định pháp luật trong mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt là công tác PCTN; tiếp tục triển khai thực hiện tiêu chuẩn tư tưởng chính trị, đạo đức, phong cách của cán bộ, đảng viên và người lao động tại Công ty làm theo tấm gương Hồ Chí Minh giai đoạn hiện nay trong toàn Đảng bộ, Công ty.

Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống “Diễn biến hòa bình”, đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước. Lãnh đạo đẩy mạnh phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng trong người quản lý, người lao động Công ty, đặc biệt nêu cao vai trò gương mẫu thực hiện của người quản lý, cán bộ chủ chốt, đảng viên trong phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Đảng ủy Công ty kịp thời ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của từng tổ chức để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng; tiếp tục thực hiện các quan điểm, chủ trương, quyết sách về PCTN mà Nghị quyết Trung ương 3 (Khóa X), Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị

quyết Trung ương 3 (Khóa X), Chỉ thị số 50-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng trong điều kiện kinh doanh hiện nay của Công ty. Chỉ đạo thực hiện việc rà soát các quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động của Công ty, các đoàn thể để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của Sở, ngành, đơn vị, địa phương mình

2.1. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Đảng ủy, Chủ tịch, Giám đốc Công ty thường xuyên triển khai quán triệt nội dung Luật PCTN và Luật sửa đổi, bổ sung Luật PCTN bằng hình thức tuyên truyền trực tiếp lồng ghép thông qua các Hội nghị sơ, tổng kết phong trào thi đua, hội nghị giao ban, hội nghị người lao động hàng năm, hội nghị đối thoại định kỳ. Ngoài ra Đảng ủy, Giám đốc Công ty triển khai cho các Chi bộ, các Phòng, VPĐD tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và người lao động trong Công ty tại các đợt sinh hoạt của đơn vị¹. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng gắn với công tác PCTN theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án số 19-ĐA/ĐUXS ngày 11/3/2016 “Đề án xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế văn hóa doanh nghiệp trên nền tảng nâng cao chất lượng và hiệu quả làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ vừa hồng, vừa chuyên, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng hiệu quả kinh doanh của Công ty trong tình hình hiện nay” đến cán bộ, đảng viên, người lao động đồng thời có tổ chức sơ kết 01 năm, 04 năm thực hiện. Xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từng năm theo Kế hoạch của Ủy ban nhân

¹ Luật phòng chống tham nhũng số 55/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12, Luật số 27/2012/QH13 và Luật số 36/2018/QH14; Các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về minh bạch tài sản thu nhập; Kế hoạch số 3552/KH-UBND ngày 14/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ ban hành chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, ... Chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện Luật PCTN; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 12/5/2009 của Chính phủ ban hành chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh về công tác PCTN, ...

dân tình giai đoạn 2016 – 2020 và hàng năm nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chủ yếu quản lý chặt chẽ, hợp lý chi phí có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Qua tuyên truyền, giáo dục trong cán bộ, đảng viên và người lao động đã tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong Công ty, nêu cao tinh thần đấu tranh, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để có biện pháp giải quyết xử lý theo quy định của Nhà nước. Từ năm 2016 đến nay Công ty không xảy ra vụ việc tham nhũng cũng như hành vi tham nhũng của cán bộ, đảng viên, người lao động.

2.2. Việc ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

Đảng ủy, lãnh đạo Công ty thực hiện lãnh, chỉ đạo công tác PCTN của cấp trên bằng việc ban hành văn bản, Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị hàng năm của Đảng bộ Công ty trong đó có nội dung PCTN, tiếp tục triển khai thực hiện tiêu chuẩn tư tưởng chính trị, đạo đức, phong cách của cán bộ, đảng viên và người lao động tại Công ty làm theo tấm gương Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay trong toàn Đảng bộ, Công ty, Nghị quyết về bảo vệ an ninh trật tự, kế hoạch đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc trong đó chú trọng tăng cường sự chỉ đạo của Đảng ủy, Giám đốc Công ty và sự phối hợp thực hiện của các đoàn thể trong công tác tuyên truyền phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống tội phạm, xây dựng cơ quan an toàn về an ninh trật tự.²

Xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2025 và những năm tiếp theo; kế hoạch triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022. Từ đầu năm đến nay không xảy ra vụ việc nào vi phạm phải xử lý.

2.3. Tình hình tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)

Phân công cán bộ có năng lực, đủ điều kiện kiêm nhiệm công tác pháp chế trong Công ty (Công ty không có đơn vị chuyên trách cũng như cán bộ chuyên trách về công tác PCTN). Cùng cố, kiện toàn hoạt động Ban thanh tra nhân dân từ đó thông qua Công đoàn, đoàn thanh niên cùng tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN đến người lao động. Thường xuyên khuyến khích người lao động phát hiện, báo cáo với lãnh đạo Công ty khi phát hiện có hành vi tham nhũng trong hoạt động kinh doanh.

² - Đảng ủy ban hành Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị; Kế hoạch PCTN; Kế hoạch công tác nội chính, PCTN, cải cách tư pháp; Nghị quyết bảo vệ an ninh trật tự hàng năm.

- KH số 19-KH/ĐUXS ngày 16/01/2020 Thực hiện công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt” theo Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Kế hoạch số 25-KH/XSKT ngày 17/01/2022 về thực hiện NQ số 08-NQ/TU của tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác PCTN, tiêu cực đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

Thực hiện bầu Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 02 năm 01 lần, thông qua Công đoàn, đoàn thanh niên cùng tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN đến người lao động.

Ngoài ra, Kiểm soát viên xây dựng kế hoạch kiểm soát hàng năm và được UBND tỉnh phê duyệt. Định kỳ hàng quý, Kiểm soát viên cùng với lãnh đạo Công ty tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế, kiểm tra quỹ tiền mặt, các khoản chi phí tại Văn phòng Công ty và Văn phòng đại diện tại các tỉnh nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đúng quy định. Báo cáo tài chính năm của Công ty cũng được cơ quan kiểm toán độc lập, Kiểm soát viên Công ty thẩm định, kiểm tra, rà soát theo quy định và được UBND tỉnh phê duyệt.

2.4. Các kết quả khác đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Từ đầu năm 2022 đến nay, ngoài hình thức tuyên truyền trực tiếp tại các Hội nghị, sinh hoạt của Phòng chuyên môn, VPĐD; chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng còn được lồng ghép tuyên truyền tại các buổi tuyên truyền pháp luật kết hợp với chào cờ đầu tháng tại Công ty hoặc đăng tải các bài viết về công tác PCTN lên trang thông tin điện tử của Công ty. Phối hợp Công đoàn cơ sở xây dựng Quy chế phối hợp giữa Giám đốc Công ty với Ban Chấp hành Công đoàn, tổ chức Hội nghị Người lao động hàng năm đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định. Thực hiện đối thoại định kỳ, Thỏa ước lao động, Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định qua đó nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của người lao động. Gắn nhiệm vụ PCTN, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, chấm điểm phân loại lao động hàng tháng.

3. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Từ năm 2016 đến nay, Công ty tiếp tục nỗ lực, cố gắng trong thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, như:

3.1. Việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty

Công ty báo cáo đầy đủ theo quy định về công bố thông tin hàng năm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP (được thay thế bởi Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ).

Công khai trong việc mua sắm tài sản công, đấu thầu khi xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế, quy định có liên quan đến phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người quản lý và người lao động, quy chế quản lý Tài chính, quy định chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, kế hoạch sử dụng lao động hàng năm, ... Thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định, các kế hoạch có liên quan đến hoạt động kinh doanh đảm bảo chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động đúng quy định, tiết kiệm.

Công ty công khai quy trình trả thưởng, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ trang thông tin điện tử Công ty, ... để tiếp nhận ý kiến phản ánh, kiến nghị của đại lý, khách hàng, đối tác nếu có hành vi gây phiền hà, những nhiễu trong quá trình làm

việc, thủ tục trả thưởng nhằm sửa đổi, bổ sung, chấn chỉnh kịp thời. Từng bước rút gọn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, làm tăng khối lượng và rút ngắn thời gian giải quyết công việc. Thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ: Với hình thức công khai về quy trình, tiêu chuẩn, danh sách nhân sự đến người lao động trong Công ty, kết quả đã tạo được sự đồng thuận cao trong người quản lý và người lao động Công ty.

Công ty công khai, minh bạch trong quản lý sử dụng đất, đã xác lập quyền sử dụng đất và được cơ quan chức năng cấp sổ quyền sử dụng đất đối với Nhà làm việc Công ty. Công ty đã xây dựng định mức, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ về tài chính và quản lý, sử dụng tài sản công (gắn với kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí), hiện nay Công ty đang thực hiện có hiệu quả các định mức, tiêu chuẩn đã xây dựng.

Công ty thực hiện việc công khai bằng các hình thức như thông báo nội dung cần công khai tại các cuộc họp của Đảng ủy, Người quản lý, Hội nghị sơ, tổng kết toán Công ty, cuộc họp phòng chuyên môn, VPĐD hàng tháng, ... Ngoài ra, Công ty còn thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định của Chính phủ hoặc đăng tải các nội dung công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Năm 2018, Giám đốc Công ty đã giao nhiệm vụ cho các Phòng chuyên môn thực hiện rà soát lại căn cứ pháp lý, nội dung, thẩm quyền ký ban hành các quy chế, quy định của Công ty; những văn bản nào không còn phù hợp với quy định Nhà nước, không phù hợp với hoạt động kinh doanh sẽ sửa đổi, bổ sung trình Lãnh đạo Công ty ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định (tại văn bản số 99/XSKT-TC ngày 03/4/2018). Trong năm 2021, Công ty đã dự thảo đề nghị Sở ngành chức năng trình UBND tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Đến ngày 12/01/2022 Công ty tiếp tục có văn bản số 16/XSKT-TC đề tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty khi Điều lệ thay đổi và một số quy định pháp luật mới ban hành.

Đến nay, Công ty đã xây dựng, sửa đổi bổ sung khoảng 53 lượt quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh.³

Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm và hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, điều chỉnh kế hoạch liên quan đến hoạt động kinh doanh như in và phát hành vé, định mức tiêu hao nhiên liệu, chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, quy định về chi tiêu nội bộ,

³ Cụ thể gồm các lĩnh vực như: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính; Ban hành nhiều quy chế, quy định nội bộ như: Quy trình trả thưởng, Quy chế tuyển dụng và sử dụng lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua – khen thưởng; Quy chế trả lương, trả thưởng của người quản lý, người lao động, Quy chế Văn thư – Lưu trữ; Thẻ lệ dự thưởng các loại hình vé xổ số, Cơ cấu giải thưởng, Thẻ lệ quay số mở thưởng, Quy chế làm việc ...

... nhằm đảm bảo chi phí phát sinh được quản lý chặt chẽ. Nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty trong dịp Tết Dương lịch, trước, trong và sau Tết Nguyên đán hàng năm, Giám đốc Công ty ban hành nhiều văn bản triển khai hoạt động kinh doanh, các chế độ hỗ trợ người lao động làm việc trong những ngày nghỉ, về việc giải quyết một số chế độ nghỉ trong dịp Tết Nguyên đán.

3.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng

Người quản lý, người lao động có chức vụ, quyền hạn chấp hành nghiêm các quy định về việc tặng và nhận quà của cán bộ, công chức theo Luật PCTN 2018 và Nghị định 59/2019/NĐ-CP. Từ năm 2016 đến nay, tại Công ty không có trường hợp tặng và nhận quà tặng phải xử lý.

3.4. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ

Đảng ủy Công ty xây dựng và ban hành tiêu chuẩn tư tưởng chính trị, đạo đức, phong cách của cán bộ, đảng viên và người lao động từ năm 2016 đến nay.

Người lao động từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên, người quản lý thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, đảng viên và người lao động theo Quy chế Văn hóa doanh nghiệp và Bộ quy tắc ứng xử văn hóa Công ty đã ban hành nhằm chấn chỉnh kỷ cương lề lối làm việc, chuẩn mực đạo đức thể hiện tác phong, lối sống, tinh thần trách nhiệm, quan hệ đối xử với đồng nghiệp, nhân dân địa phương nơi cư trú; người quản lý Công ty thực hiện nghiêm quy định những việc phải làm và không được làm theo quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn tại Luật PCTN năm 2018; Quy định số 08-QĐ/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về những điều đảng viên không được làm.

Công ty đã ban hành và triển khai kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống “Tham nhũng vặt” theo Chỉ thị số 62-CT/TU ngày 19/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng chính phủ. Công ty tiến hành việc lắp đặt camera giám sát ở những nơi thường xuyên tiếp xúc, giao dịch với khách hàng trúng thưởng, đại lý xổ số để đảm bảo tính minh bạch, khách quan, đồng thời góp phần ngăn chặn hành vi gây phiền hà, những nhiễu.

Đến nay, chưa phát hiện người quản lý, người lao động Công ty vi phạm quy tắc ứng xử, gây phiền hà, nhiễu đối với người dân nhất là các đại lý xổ số, khách hàng trúng thưởng, ...

3.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức theo quy định nhằm phòng ngừa tham nhũng

Thực hiện luân chuyển vị trí công tác của người lao động trong từng Phòng, VPĐD, thực nghiệm quy trình trả thưởng, phúc tra, lưu trữ vé trúng thưởng vừa nâng cao năng lực làm việc của người lao động vừa phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty. Trong thời gian báo cáo, đã thực hiện điều động, luân chuyển 66 lượt người lao động vừa phục vụ hoạt động kinh doanh vừa góp phần phòng ngừa tham nhũng (trong đó 14 lượt người giữ chức vụ Phó Trưởng

VPĐD trở lên, còn lại là nhân viên). Công ty đã xây dựng kế hoạch luân chuyển một số chức danh Trưởng VPĐD các tỉnh và sẽ triển khai thực hiện trong thời gian tới. Công tác tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng, đúng quy trình, quy định của Nhà nước, vừa nâng cao năng lực làm việc của người lao động vừa phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty. Đảng ủy, Công ty xây dựng kế hoạch và thực hiện đầy đủ quy trình quy hoạch cán bộ bổ sung giai đoạn 2020 – 2025, 2021 – 2026; quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025 – 2030, 2026 – 2031 theo quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

3.6. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập

Luôn quán triệt đến cán bộ, đảng viên, người lao động nâng cao tinh thần tự giác trong việc minh bạch tài sản, thu nhập theo Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Giai đoạn 2016 - 2021, tại đơn vị có 105 lượt người kê khai tài sản, thu nhập/105 người thuộc diện phải kê khai (đạt 100%). Các năm qua chưa có trường hợp phải xử lý kỷ luật trong việc kê khai, minh bạch tài sản thu nhập, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về kê khai tài sản, thu nhập đối với người quản lý và người lao động để có cơ sở giám sát và kiểm tra về nguồn thu nhập của cá nhân. Thực hiện công khai bản kê khai tài sản thu nhập của các đối tượng bằng hình thức công bố tại cuộc họp hoặc niêm yết theo quy định.

3.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

Từ năm 2016 đến nay, Công ty không xảy ra hành vi tham nhũng.

3.8. Việc thực hiện cải cách hành chính

Công ty xây dựng và công khai các quy trình, thủ tục có liên quan đến hoạt động kinh doanh theo hướng tinh gọn, dễ hiểu, đảm bảo đúng quy định như: Hợp đồng đại lý, đối chiếu công nợ, thủ tục lĩnh thưởng vé xổ số, thủ tục thanh toán chi phí, ... Theo dõi, tăng cường kiểm tra giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của người lao động. Ban hành Bảng mô tả công việc đối với người lao động để cụ thể hóa các công việc mỗi vị trí phải thực hiện, điều kiện tiêu chuẩn để có thể đảm nhận công việc đó làm cơ sở trả lương, thưởng và các chế độ có liên quan.

3.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty

Từ hiệu quả hoạt động kinh doanh đạt được, Công ty luôn quan tâm đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực, đẩy mạnh sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ trong tổ chức và hoạt động của đơn vị. Công ty thực hiện việc xử lý văn bản đến, đi trên TD – office từ cuối năm 2016 đến nay. Khoảng 90% người quản lý, người lao động sử dụng thành thạo máy vi tính và các thiết bị điện tử phục vụ cho công việc. Hiện nay Công ty đang thực hiện một số gói dịch vụ trong Chương trình chuyển đổi số của tỉnh theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 24/3/2022.

3.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Công ty thực hiện nghiêm việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi lớn theo quy định pháp luật. Từ tháng 7/2021 đến nay, Công ty thực hiện trả lương qua tài khoản cho người quản lý, người lao động.

3.11. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp liên quan đến tham nhũng: Tại Công ty không có phát sinh nội dung này.

3.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao: Tại Công ty không có phát sinh nội dung này.

4. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; việc giải quyết, kiểm sát giải quyết, xét xử vụ việc, vụ án tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng

Qua các hoạt động tự kiểm tra nội bộ của Công ty, của Kiểm soát viên Công ty và công tác kiểm tra, giám sát của Đảng ủy Công ty chưa phát hiện đơn vị trực thuộc, cá nhân nào có hành vi tham nhũng phải xử lý, không nhận được tin báo cũng như đơn thư tố cáo về tham nhũng gửi đến Công ty.

5. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Trong thời gian qua, hàng năm Công ty đều hợp đồng với đơn vị kiểm toán độc lập Tâm Việt tiến hành kiểm toán, kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, ngoài ra còn có nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền như: Kiểm toán Nhà nước, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Cục thuế tỉnh, Sở Tài chính, Tổ công tác chuyên đề theo dõi tình hình thực hiện Quy chế dân chủ ở các loại hình doanh nghiệp, ... Ngoài ra, còn có các cuộc kiểm tra chuyên đề do đơn vị cấp trên thực hiện đối với tổ chức Đảng, đoàn thể tại Công ty.

Qua các cuộc thanh tra, kiểm tra tại Công ty, chưa phát hiện vi phạm phải xử lý. Công ty cũng đã kịp thời rút kinh nghiệm và điều chỉnh một số nội dung theo kiến nghị của các đơn vị kiểm tra cho phù hợp hơn với quy định Nhà nước.

6. Số vụ việc tham nhũng liên quan đến cán bộ, công chức thanh tra cấp sở, ngành và thanh tra cấp huyện của cơ quan, đơn vị, ngành mình: Tại Công ty không có phát sinh nội dung này.

7. Phát huy vai trò của xã hội, hợp tác quốc tế về PCTN

7.1. Các nội dung đã thực hiện nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

Thực hiện công tác PCTN không chỉ là nhiệm vụ của lãnh đạo Công ty mà còn có sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự phối hợp của Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Ban Thanh tra nhân dân trong việc tuyên truyền, vận động đoàn viên tích cực hưởng ứng, chủ động đấu tranh PCTN; người lao động nâng cao ý thức, mạnh dạn phản ánh, báo cáo kịp thời những hành vi có dấu hiệu tham nhũng để ngăn chặn. Công ty phối hợp Công đoàn cơ sở thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ

sở, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Giám đốc Công ty với Ban Chấp hành Công đoàn, tổ chức Hội nghị Người lao động hàng năm đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định, bầu Ban Thanh tra nhân dân. Đồng thời trong năm có tổ chức thương lượng, đối thoại định kỳ để thống nhất một số nội dung có lợi cho người lao động để đưa vào Thỏa ước lao động tập thể năm 2022.

7.2. Những kết quả, đóng góp của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận, doanh nghiệp và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

Qua tuyên truyền, giáo dục trong cán bộ, đảng viên và người lao động đã tạo sự thống nhất, đồng thuận trong Công ty, nêu cao tinh thần đấu tranh, ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để có biện pháp giải quyết xử lý theo quy định của Nhà nước.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (THTK, CLP)

1. Việc chỉ đạo, điều hành công tác THTK, CLP

1.1. Việc ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về THTK, CLP: Công ty không có chức năng thực hiện nội dung này.

1.2. Việc ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện

Đảng ủy Công ty ban hành Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2022, nghị quyết lãnh đạo hàng tháng của Đảng bộ Công ty trong đó có nội dung lãnh đạo đẩy mạnh phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng trong người lao động Công ty mà cán bộ, đảng viên là người đi đầu gương mẫu thực hiện. Đồng thời trong các phong trào thi đua có đưa nội dung thực hiện tốt tiết kiệm, chống lãng phí gắn với thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong tình hình thực tế tại đơn vị.

Lãnh đạo Công ty chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh hàng năm trình UBND tỉnh có ý kiến để Chủ tịch Công ty phê duyệt, giao trách nhiệm cho Giám đốc, Trưởng các Phòng, Văn phòng đại diện tổ chức triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị mình và chịu trách nhiệm khi để xảy ra vụ việc gây thất thoát lãng phí.

Căn cứ nội dung Chương trình THTK, CLP hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Công ty đã ban hành Chương trình THTK, CLP với mục tiêu quản lý chặt chẽ, hợp lý và hiệu quả các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động và thực hiện công tác an sinh xã hội⁴. Công ty cũng đã ban hành Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2021 – 2025 (Chương trình số

⁴ Công văn số 67/CTr-XSKT ngày 09/3/2017 Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2016 – 2020; Công văn số 107/CTr-XSKT ngày 05/4/2018 Chương trình THTK, CLP năm 2018; Công văn số 129/CTr-XSKT ngày 24/4/2019 Chương trình THTK, CLP năm 2019; Công văn số 89/CTr-XSKT ngày 23/3/2020 Chương trình THTK, CLP năm 2020; Công văn số 79/CTr-XSKT ngày 19/02/2021 Chương trình THTK, CLP năm 2021.

68/CTr-XSKT ngày 22/02/2022) và năm 2022 (Chương trình số 128/CTr-XSKT ngày 28/4/2022) với mục tiêu là triệt để thực hiện THPTK, CLP trong hoạt động kinh doanh, sử dụng hiệu quả để tăng vốn điều lệ; phòng chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần thực hiện công tác an sinh xã hội của tỉnh.

1.3. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật THPTK, CLP.

Công ty phối hợp cùng với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong đơn vị để phổ biến, triển khai đến người quản lý, người lao động Luật THPTK, CLP, và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ, Quyết định số 2283/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 – 2020, 2021 – 2025 và Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Ninh Thuận hàng năm. Ngoài ra, Công ty triển khai ngày tuyên truyền pháp luật hàng tháng để quán triệt các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, trong đó có nội dung về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí cho người quản lý, người lao động nắm rõ và thực hiện.

Giám đốc Công ty giao trách nhiệm cho Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Trưởng Phòng, Trưởng Văn phòng đại diện tuyên truyền, phổ biến đến người lao động tổ chức thực hiện công tác THPTK, CLP tại đơn vị mình và chịu trách nhiệm khi để xảy ra vụ việc gây thất thoát lãng phí.

Qua tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến tích cực về tư tưởng, hành động trong phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong người quản lý, người lao động Công ty.

2. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về thu, chi ngân sách trong giai đoạn 2016 - 2021 tại Công ty

Trong giai đoạn báo cáo hàng năm Công ty thực hiện nộp ngân sách nhà nước đúng quy định, phần đầu năm sau cao hơn năm trước. Tổng số nộp ngân sách Công ty thực hiện giai đoạn 2016 – 2021 là 426,26 tỷ đồng đạt 100,06% so với kế hoạch được giao. Cụ thể:

DVT: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu Nộp ngân sách	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Cộng
1	Kế hoạch	68	70	68	75	75	70	426
2	Thực hiện	63,98	70,06	82,66	78,25	70,67	60,64	426,26

2.2. Việc tham mưu, ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về chế độ, chính sách; định mức phân bổ và định mức chi các khoản chi theo quy định; các

chế độ, chính sách có tính chất đặc thù của địa phương: Công ty thực hiện các quy định của cấp trên theo hướng dẫn.

2.3. Kết quả tiết kiệm các khoản chi thường xuyên của ngân sách nhà nước: Công ty không có nội dung này.

2.4. Việc đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017; việc giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Công ty thuộc loại hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ nên không có nội dung này.

3. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công: Công ty không sử dụng vốn đầu tư công.

4. Trong quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước các chương trình mục tiêu quốc gia: Công ty không có nội dung này.

5. Trong quản lý, sử dụng tài sản công

5.1. Quản lý, sử dụng, sắp xếp lại nhà, đất công vụ, trụ sở làm việc

Công ty công khai, minh bạch trong quản lý sử dụng đất, đã xác lập quyền sử dụng đất và được cơ quan chức năng cấp sổ quyền sử dụng đất đối với Nhà làm việc Công ty.

5.2. Quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất

Công ty sử dụng trụ sở làm việc trên tinh thần tiết kiệm, luôn quan tâm bảo dưỡng, giữ gìn vệ sinh, góp phần bảo vệ môi trường xung quanh. Trụ sở làm việc được xây dựng từ năm 1997 đến nay vẫn còn sử dụng tốt. Năm 2019, Công ty tiến hành tu sửa một phần nhà làm việc đảm bảo tạo không gian hợp lý, khoa học để người lao động đủ sức khỏe, tinh thần để làm việc. Khi sửa chữa có xây dựng dự toán, lựa chọn đơn vị thi công, nguyên vật liệu chất lượng tốt, hợp lý đảm bảo độ an toàn, lâu dài cho công trình.

5.3. Mua sắm, quản lý, sử dụng máy móc, phương tiện đi lại, đầu tư trang thiết bị

Các trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty được mua sắm, quản lý sử dụng đúng mục đích, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả. Đồng thời làm thủ tục thanh lý các tài sản, công cụ dụng cụ hư hỏng, đã khấu hao, không còn giá trị sử dụng

THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại đúng mục đích, xe ô tô chủ yếu phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong việc vận chuyển người lao động và vé xỏ số đi/về giữa Công ty với Văn phòng đại diện các tỉnh. Công ty tiếp tục lựa chọn, ký kết hợp đồng bảo dưỡng xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh từ đầu năm với giá cả phù hợp và đảm bảo chất lượng.

5.4. Quản lý, khai thác, sử dụng tài sản từ nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp

của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước: Công ty không có nội dung này.

6. Trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động

6.1. Kết quả kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm theo Kế hoạch số 92-KH/TU ngày 21/02/2018; Chương trình hành động số 181-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Tỉnh ủy

Cơ cấu tổ chức tại Công ty thực hiện theo Điều 165 tổ chức và hoạt động được UBND tỉnh ban hành. Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch Công ty; cơ cấu tổ chức gồm Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, 05 phòng chuyên môn nghiệp vụ, 06 Văn phòng đại diện và 01 Điểm giao dịch trải dài các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Công ty xây dựng Bảng mô tả công việc của người lao động ban hành kèm theo Quyết định số 108/QĐ-XSKT ngày 30/12/2016, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả làm việc của người lao động và tiết kiệm thời gian, giảm chi phí trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã ban hành quy định về việc lập kế hoạch làm việc hàng ngày, tuần của người lao động để kiểm tra, giám sát. Đồng thời thường xuyên rà soát, triển khai mô tả lại công việc của người lao động do luân chuyển, điều động công tác để có cơ sở đánh giá đúng mức độ hoàn thành công việc của từng người.

6.2. Quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; việc sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư.

DVT: người

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Người quản lý	5	5	5	6	7	7
2	Người lao động	58	59	60	60	60	60

Hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch sử dụng lao động nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao gắn với việc tăng năng suất lao động, tinh gọn bộ máy tổ chức. Công tác tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ thực hiện công khai, dân chủ, minh bạch, công bằng, đúng quy trình, quy định của Nhà nước. Thực hiện luân chuyển vị trí công tác của người lao động trong từng Phòng, VPĐD đảm bảo vừa nâng cao năng lực làm việc của người lao động vừa phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty. Theo dõi, quản lý thời gian làm việc, nâng cao ý thức tự giác trong thực hiện nhiệm vụ của người lao động, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động, thời gian làm việc; tuyển dụng, bố trí người lao động hợp lý, phát huy năng lực của từng người. Giai đoạn 2016 – 2021 Công ty không có trường hợp lao động dôi dư không có việc làm phải giải quyết thôi việc.

7. Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

7.1. Trong quản lý, sử dụng đất đai

Quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, quyết định giao

đất, hợp đồng thuê đất và các quy định khác của pháp luật về đất đai. Sử dụng đúng mục đích, diện tích đất được giao để xây dựng trụ sở làm việc. Thực hiện thuê nhà ở của người dân tại các tỉnh Công ty để đặt VPĐD và tạo điều kiện cho người lao động công tác tại VPĐD đủ điều kiện sinh hoạt hàng ngày. Đóng các loại thuế, phí đầy đủ theo quy định.

7.2. Trong quản lý, sử dụng tài nguyên nước

Thường xuyên quán triệt đến người quản lý, người lao động sử dụng điện, nước đúng mục đích, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

7.3. Trong quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản

Công ty không có nội dung này. Thường xuyên tuyên truyền đến người quản lý, người lao động không khai thác cũng như không sử dụng các loại tài nguyên khoáng sản mà pháp luật cấm.

7.4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển

Thường xuyên tuyên truyền đến người quản lý, người lao động không khai thác cũng như không sử dụng các loại tài nguyên biển mà pháp luật cấm. Có ý thức góp phần giữ vệ sinh môi trường biển.

7.5. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng

Thường xuyên tuyên truyền đến người quản lý, người lao động không khai thác cũng như không sử dụng các loại tài nguyên rừng mà pháp luật cấm.

7.6. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên tái chế và năng lượng tái tạo

Tuyên truyền, vận động người quản lý, người lao động hạn chế sử dụng rác thải nhựa trong sinh hoạt hàng ngày; ưu tiên sử dụng đồ dùng tái chế, năng lượng sạch.

7.7. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên viễn thông và tài nguyên khác: Thực hiện đúng quy định.

8. Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Công ty không có nội dung này.

9. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp

9.1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Doanh thu	259.749	246.512	282.747	312.343	268.985	266.725
2	Nộp ngân sách	63.985	70.064	82.659	78.128	70.672	60.645
3	Lợi nhuận	16.840	35.999	24.040	19.825	11.467	13.207
4	Vốn điều lệ	50.000	50.000	55.769	60.527	63.105	66.274

Giai đoạn từ 2016 – 2019 hoạt động kinh doanh của Công ty tương đối ổn định, duy trì tốc độ tăng doanh thu năm sau cao hơn năm trước. Năm 2020, 2021 do tác động lớn của dịch bệnh Covid-19, bão lũ, không phát hành hoặc phát hành trên một số địa bàn nhỏ không phải là địa bàn trọng điểm trong nhiều kỳ liên tục nên doanh thu giảm sâu, phát sinh thêm nhiều chi phí liên quan đến Covid-19

như chi phí xét nghiệm, chi phí nhiên liệu, chi phí in vé, Tuy nhiên Công ty đã cố gắng triển khai các giải pháp kinh doanh hợp lý, ứng phó với tình hình dịch bệnh nên vẫn đảm bảo số nộp ngân sách, bảo toàn và bổ sung vốn điều lệ theo lộ trình tăng vốn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Công ty đã phối hợp cùng với các tổ chức Đảng, đoàn thể trong đơn vị tuyên truyền, phổ biến, triển khai Luật THTK, CLP và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật trong hội nghị sơ, tổng kết; đồng thời cụ thể hóa bằng việc ban hành các quy chế, quy định, xây dựng các định mức, tiêu chuẩn chế độ áp dụng tại Công ty nhằm bảo đảm nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Từ năm 2018, Công ty thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, rà soát các quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh với các chính sách, hướng dẫn của Nhà nước; chỉ đạo các phòng chuyên môn sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định để tham mưu ban hành mới hoặc đề nghị UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền. Ban hành đầy đủ các Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Khen thưởng; Quỹ Phúc lợi; Quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý; Quy chế trả lương, nâng bậc lương đối với người lao động, ...

Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy tinh thần sáng tạo, đăng ký và triển khai nhiều sáng kiến, giải pháp có tính ứng dụng cao, có nhiều sáng kiến được công nhận là sáng kiến cấp tỉnh tạo tiền đề ứng dụng trong hoạt động kinh doanh của Công ty góp phần nâng cao hiệu quả.

9.2. Công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước

Thực hiện chủ trương của Chính phủ cũng như Ủy ban nhân dân tỉnh về lộ trình bán thoái vốn đầu tư ngoài ngành, từ năm 2016 Công ty đã triển khai việc ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị doanh nghiệp, trình UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm thực hiện các bước tiếp theo trong phương án thoái vốn Công ty đã đầu tư vào Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Ninh Chữ giai đoạn 2003 – 2007 được duyệt. Đến năm 2018, căn cứ Phương án tái cơ cấu Công ty và Công văn số 2345/STC-VP ngày 04/9/2018 của Giám đốc Sở Tài chính về việc ban hành Quyết định phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ, Chủ tịch Công ty ban hành Quyết định số 95/QĐ-XSKT ngày 12/9/2018 Về việc phê duyệt lại Phương án thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ. Đến tháng 10/2019 Công ty đã hoàn thành xong việc thoái vốn trên với giá trị trên 11,096 tỷ đồng đảm bảo đầy đủ thủ tục theo quy định góp phần bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

9.3. Việc cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước

Đảng ủy lãnh đạo Công ty chấp hành tốt chủ trương cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Tuân thủ pháp luật, tôn trọng cơ chế thị trường, thực hiện lộ trình thoái vốn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bảo đảm vốn, tài sản của Nhà nước và giá trị doanh nghiệp được định giá đầy đủ, hợp lý, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện. Chú trọng đầu tư, nâng cao năng lực của Công ty về nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện chương trình chuyển đổi số theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Công ty xây dựng Phương án tái cơ cấu giai đoạn 2016 – 2020 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 làm cơ sở triển khai thực hiện. Năm 2017, sau khi phương án được phê duyệt, Công ty đã triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, giải pháp tài chính, kiện toàn bộ máy tổ chức và các giải pháp khác nhằm tăng doanh thu, thị phần của vé số Ninh Thuận trong khu vực, hoạt động kinh doanh từng bước phát triển khá tốt, nộp ngân sách hàng năm từ 60 đến 82 tỷ đồng, kinh doanh có hiệu quả đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động đồng thời thực hiện tốt công tác an sinh xã hội tại địa phương gần 10 tỷ đồng. Hiện nay căn cứ Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và tình hình hoạt động kinh doanh, Công ty xây dựng Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021 – 2025 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 12/7/2022.

Trên cơ sở Phương án tái cơ cấu được duyệt, Công ty thực hiện tốt việc xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm cho mỗi giai đoạn và hàng năm làm cơ sở triển khai thực hiện các giải pháp hoạt động kinh doanh, giao chỉ tiêu doanh thu cho phòng Kinh doanh và các Văn phòng đại diện nhằm đạt hiệu quả cao, đánh giá xếp loại doanh nghiệp cũng như xếp loại người quản lý hàng năm theo quy định.

9.4. Quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn doanh nghiệp nhà nước

Thường xuyên thực hiện rà soát chi phí hoạt động kinh doanh. Việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty trên cơ sở hiệu quả sử dụng, có cơ cấu vốn hợp lý, tiết kiệm; đúng mục đích, chế độ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Việc quản lý, sử dụng đất phải bảo đảm đúng mục đích ghi trong quyết định giao đất, hợp đồng cho thuê đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty đã xây dựng Quy chế sử dụng TSCĐ, Quy chế tài chính, Quy chế nợ, ... để quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản Nhà nước tại Công ty. Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cơ cấu lại Công ty theo quy định. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động; đảm bảo việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Đảm bảo việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước. Đầu năm 2016 vốn điều lệ của Công ty là 50 tỷ đồng. Năm 2018 căn cứ định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo, Công ty xây dựng phương án và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt lộ trình tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ lên 75 tỷ đồng bổ sung từ nguồn quỹ đầu tư phát triển trích trên cơ sở lợi nhuận còn lại của Công ty, đến cuối năm 2021 tổng vốn điều lệ của Công ty là 66,275 tỷ đồng.

10. Việc thực hiện công khai các lĩnh vực, hoạt động quy định tại Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

Thực hiện công khai trong việc mua sắm tài sản công, đấu thầu khi xây dựng và triển khai thực hiện các quy chế, quy định có liên quan đến phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người quản lý và người lao động. Công khai các

quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty ban hành như quy chế quản lý Tài chính, quy định chi tiêu nội bộ, quy chế thi đua khen thưởng, kế hoạch sử dụng lao động hàng năm, Chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quy trình trả thưởng, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ trang thông tin điện tử Công ty ... Hình thức công khai: trên trang thông tin điện tử, hệ thống xử lý văn bản TD-office của Công ty, tại Hội nghị người lao động, Hội nghị sơ, tổng kết hoặc các cuộc họp giao ban, chào cơ hàng tháng, ...

Thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định, các kế hoạch có liên quan đến hoạt động kinh doanh đảm bảo chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động đúng quy định, tiết kiệm.

11. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán việc THPT, CLP

Kiểm soát viên chuyên trách đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2019 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động kinh doanh Công ty theo kế hoạch. Ban Thanh tra nhân dân cũng thực hiện tốt việc giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính hàng năm đều được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập theo quy định. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty được các cơ quan quản lý chuyên ngành thực hiện kiểm tra, kiểm soát như cơ quan kiểm toán độc lập, kiểm tra thuế giai đoạn 2017 – 2018, kiểm tra tiền lương năm 2017 của Bộ LĐTBXH; tình hình sử dụng lao động, tiền lương giai đoạn 2018 – 2020 của Sở LĐTBXH, Ủy ban kiểm tra Liên đoàn Lao động tỉnh cũng đã thực hiện kiểm tra tình hình thực hiện Điều lệ Công đoàn, sử dụng tài chính của Công đoàn cơ sở Công ty giai đoạn 2016 - 2017...

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, XÁC ĐỊNH NGUYÊN NHÂN, CHỈ RÕ TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN; THPT, CLP

1. Đánh giá kết quả đạt được

Công tác PCTN, THPT, CLP tại Công ty được Đảng ủy, lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật PCTN, Nghị định, Thông tư liên quan đến PCTN, lãng phí, tiêu cực; triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở ngành liên quan về công tác PCTN. Nâng cao ý thức trách nhiệm của người quản lý, người lao động trong việc thực thi các quy định pháp luật về PCTN góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được sử dụng đúng mục đích, phát huy được hiệu quả qua các năm, là động lực giúp Công ty chủ động thực hiện tốt các chủ trương, giải pháp trong kinh doanh mà không cần phải huy động thêm từ các nguồn vay. Trên cơ sở khắc phục những khó khăn tồn tại trong nhiều năm qua, đặc biệt là năm 2020, 2021 dịch bệnh Covid-19 bùng phát ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty và kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, Công ty đã kịp thời xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ và triển khai nhiều biện pháp tổ chức kinh doanh nhằm giữ vững sự ổn định và phát triển doanh thu, tăng số thu nộp vào ngân sách trên cơ sở đấu tranh giữ vững hạn

mức phát hành như trong thời gian qua để hạn chế sự lãng phí trong công tác phát hành vé, bên cạnh đó Công ty tổ chức cho người lao động thực hiện công đoạn gia công vé Bóc – Biết kết quả ngay thay vì hợp đồng với đơn vị in. Đây là khoản chi phí rất lớn trong tổng chi phí phát hành vé, nếu tiết kiệm chi phí về in vé là góp phần đáng kể để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Từ năm 2016 đến nay, Công ty không có vụ việc tham nhũng, không phát sinh hành vi vi phạm pháp luật về PCTN, THTK, CLP làm thất thoát, lãng phí về quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại Công ty.

2. Hạn chế, khó khăn

Tuy nhiên, công tác thực hiện chính sách pháp luật về PCTN, THTK, CLP tại Công ty trong thời gian qua vẫn còn một số hạn chế như một số chủ trương, văn bản liên quan đến công tác này đôi khi chưa được triển khai kịp thời theo yêu cầu; công tác kiểm tra, giám sát trên thực tế còn gặp nhiều khó khăn; công tác tham mưu văn bản triển khai thực hiện chính sách pháp luật về PCTN; THTK, CLP đôi lúc còn chậm.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan:

- Hoạt động kinh doanh xổ số vẫn còn tồn tại những khó khăn khách quan, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 tuy đã được kiểm soát nhưng nguy cơ bùng phát phức tạp trở lại vẫn rất cao với nhiều biến chủng mới.

- Thị phần tiêu thụ vé của Công ty ở một số tỉnh đạt chưa cao, năng lực cạnh tranh còn hạn chế. Chi phí trả thưởng chiếm tỉ trọng rất lớn và khó kiểm soát trong điều kiện tỉ lệ tiêu thụ khá thấp như hiện nay, tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hiệu quả kinh doanh, ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Công ty. Ngoài ra do sự cạnh tranh giữa các Công ty, dẫn đến hiệu quả xã hội không cao do mức tiêu thụ thực tế vẫn còn thấp ... tác động rất lớn đến việc thực hiện chỉ tiêu tài chính được giao.

- Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên 14 tỉnh miền Trung – Tây Nguyên, người lao động làm việc xa gia đình, trụ sở Công ty, đặc biệt là thời gian thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid-19 bùng phát kéo dài năm 2020, 2021 nên công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng, Nhà nước, Đảng ủy chủ yếu giao cho Bí thư Chi bộ, Trưởng các đơn vị. Công tác kiểm tra giám sát đôi khi chưa thực hiện kịp thời.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Đảng ủy viên, Bí thư Chi bộ trực thuộc chủ yếu là kiêm nhiệm, công việc chuyên môn nhiều nên công tác lãnh, chỉ đạo, công tác triển khai thực hiện những chủ trương, nghị quyết, chương trình kế hoạch của Đảng các cấp đôi lúc chưa đầy đủ. Bên cạnh đó, cán bộ phụ trách tham mưu cho lãnh đạo Công ty triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về PCTN, THTK, CLP là kiêm nhiệm, công việc chuyên môn và văn bản chỉ đạo của các cấp nhiều nên đôi khi tham mưu ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện còn chậm.

- Công tác kiện toàn bộ máy nhân sự lãnh đạo Công ty đã được quan tâm nhưng có lúc còn kéo dài, công tác kiểm tra, giám sát của người quản lý, phòng chuyên môn giúp việc có lúc, có nơi chưa thường xuyên, chưa thật sự sâu sát tình

hình hoạt động ở địa bàn, đại lý, sự phối kết hợp giữa các phòng chuyên môn có lúc chưa chặt chẽ và đồng bộ...

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Đề nghị Ban Chỉ đạo công tác PCTN của tỉnh, Cơ quan tham mưu tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng còn bất cập, chưa rõ ràng, thống nhất nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng lợi dụng sơ hở của các quy định pháp luật để tham nhũng.

2. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức các lớp tập huấn các chính sách pháp luật về PCTN, THTK, CLP cho các đơn vị (nhất là các doanh nghiệp) để cập nhật những văn bản hướng dẫn mới, nghiệp vụ tham mưu triển khai thực hiện các quy định về PCTN, THTK, CLP do công tác tổ chức luôn có sự luân phiên thay đổi, cán bộ phụ trách theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về PCTN, THTK, CLP mới tiếp cận với công việc, chưa có nhiều kinh nghiệm.

3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, khắc phục những khó khăn, vướng mắc

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Chủ tịch, Giám đốc đối với công tác PCTN, THTK, CLP tại đơn vị.

b) Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách, pháp luật về PCTN, THTK, CLP gắn với thực hiện có hiệu quả các chuyên đề Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò làm chủ của người lao động, tăng cường chế độ kiểm tra giám sát của các tổ chức kiểm soát, thanh tra nhân dân góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác PCTN, THTK, CLP.

c) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định theo đúng chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước, rà soát, làm rõ các danh mục văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến PCTN, THTK, CLP; rà soát hệ thống tiêu chuẩn, định mức, chế độ của tất cả các ngành, lĩnh vực, từ đó đánh giá tiêu chuẩn định mức không phù hợp, đã lạc hậu để kịp thời điều chỉnh.

d) Tăng cường vai trò trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, đảng viên và công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đoàn thể trong thực hiện PCTN. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, tuyên dương khen thưởng người tố cáo, phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; Đồng thời xử lý nghiêm những trường hợp lợi dụng quyền tố cáo để vu khống, gây rối nội bộ.

V. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THỜI GIAN ĐẾN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM.

1. Dự báo tình hình

Trong thời gian tới, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp những khó khăn ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động như:

- Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty rộng, trải dài trên 14 tỉnh thành trong khu vực miền Trung – Tây nguyên, từ Ninh Thuận, Đắc Nông đến Quảng Bình. Thời tiết khu vực miền Trung – Tây Nguyên trong những năm gần đây diễn biến cực đoan, bất thường, tác động lớn đến việc tổ chức tiêu thụ, ảnh hưởng nhiều đến doanh thu tiêu thụ,...

- Chi phí thường xuyên có chiều hướng tăng cao; chi phí trả thưởng chiếm tỉ trọng lớn và khó kiểm soát trong điều kiện tỉ lệ tiêu thụ vé khá thấp như hiện nay, tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh;

- Vé xổ số khu vực miền Nam lần chiếm địa bàn ngày càng nhiều, phức tạp trên địa bàn hai tỉnh Ninh Thuận và Đắc Nông, ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu tiêu thụ của Công ty.

- Hoạt động xổ số tiếp tục hoạt động rộng khắp, ngày càng tinh vi, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội, chi phối mạnh đến hoạt động kinh doanh xổ số trong đó có Công ty Ninh Thuận.

- Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các giải pháp về PCTN nên dự báo tình hình tham nhũng của người quản lý, người lao động sẽ không xảy ra trong thời gian tới.

2. Bài học kinh nghiệm

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nắm bắt tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, người lao động để có giải pháp xử lý kịp thời. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong công tác đấu tranh PCTN, thực hiện THPTK, CLP.

- Xác định công tác PCTN, THPTK, CLP phải gắn với thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Công ty; xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, suy thoái đạo đức, yếu kỷ luật.

- PCTN là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài; phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm nhằm ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, tạo bước chuyển biến rõ rệt để giữ vững ổn định chính trị, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

(Kèm theo các phụ lục. Một số phụ lục Công ty không có nội dung nên không báo cáo gồm Phụ lục 2, 3, 5, 6, 7, 9, 11, 12)

Trên đây là Báo cáo Phục vụ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2021”, Công ty báo cáo Đoàn Giám sát HĐND tỉnh và các cơ quan có liên quan biết, tổng hợp tham mưu báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Cty; báo cáo
- KSV Cty;
- BGD và KTT;
- Lưu: VT, TC. Nh.



GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Kim

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THỦ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Căn theo Báo cáo số 284/BC-NKĐT ngày 14/9/2022 của Công P)

DVT: tỷ đồng



STT	CHI TIẾT	NĂM 2017				NĂM 2018				NĂM 2019				NĂM 2020				NĂM 2021			
		SỐ DỰ TOÁN		SỐ QUYẾT TOÁN	SỐ THỰC HIỆN	SỐ DỰ TOÁN		SỐ QUYẾT TOÁN	SỐ THỰC HIỆN	SỐ DỰ TOÁN		SỐ QUYẾT TOÁN	SỐ THỰC HIỆN	SỐ DỰ TOÁN		SỐ QUYẾT TOÁN	SỐ THỰC HIỆN	SỐ DỰ TOÁN		SỐ QUYẾT TOÁN	SỐ THỰC HIỆN
		Tha tương CP giao	HĐND cấp tỉnh tháng qua		Tha tương CP giao	HĐND cấp tỉnh tháng qua		Tha tương CP giao	HĐND cấp tỉnh tháng qua	Tha tương CP giao	HĐND cấp tỉnh tháng qua		Tha tương CP giao	HĐND cấp tỉnh tháng qua	Tha tương CP giao	HĐND cấp tỉnh tháng qua		Tha tương CP giao	HĐND cấp tỉnh tháng qua		Tha tương CP giao
TỔNG THỦ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC																					
I THỦ NGÂN SÁCH																					
1 THỦ NGÂN SÁCH																					
1 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
2 Thủ tục chi phí vận hành, chi phí quản lý																					
3 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
4 Thủ tục nhập ra nhân																					
5 Thủ tục vận chuyển																					
6 Các loại phí, lệ phí																					
Trong đó: 1. Phí trước bạ																					
2. Phí trước bạ																					
3. Phí trước bạ																					
4. Phí trước bạ																					
5. Phí trước bạ																					
6. Phí trước bạ																					
7. Phí trước bạ																					
8. Phí trước bạ																					
9. Phí trước bạ																					
10. Phí trước bạ																					
11. Phí trước bạ																					
12. Phí trước bạ																					
13. Phí trước bạ																					
14. Phí trước bạ																					
II THỦ NGÂN SÁCH																					
III THỦ NGÂN SÁCH																					
1 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
2 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
3 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
4 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
5 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
6 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
7 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
8 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
9 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
10 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
11 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
12 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
13 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
14 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
IV THỦ NGÂN SÁCH																					
1 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
2 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
3 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
4 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
5 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
6 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
7 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
8 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
9 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
10 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
11 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
12 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
13 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					
14 Thủ tục chi phí quản lý nhà nước																					



PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ năm 2016-2021)

Kèm theo Báo cáo số 284/BC-XSKT ngày 14/9/2022 của Công ty)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT							
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	03	03	02	03	03	03
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản						
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN							
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	126	120	120	160	160	160
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	02	02	02	03	03	03
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu						
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG							
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch</i>							
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực	CQ,	01	03	02	03	02	02

	hiện các quy định về công khai, minh bạch	TC, ĐV						
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV						
	<i>Xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>							
8	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	06	16	03	15	07	06
149	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản				01		03
10	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	06	16	03	15	07	06
11	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	Vụ						
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người						
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý kỷ luật	Người						
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người						
15	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng						
16	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Triệu						

	đã được thu hồi và bồi thường	đồng							
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người							
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng							
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>								
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV			01	01			
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người							
21	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn	Người							
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>								
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	01	01	01	01	01	01	01
23	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	09	07	22	06	13	09	
24	Số người tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác	Người							

25	Số người đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích	Người						
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>		0	0	0	0	0	0
26	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người						
27	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người						
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		0	0	0	0	0	0
28	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người						
29	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người						
30	Số người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người						
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>							
31	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục						
32	Số lượng thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục						
33	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Triệu đồng						
34	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán	%						

	<i>Phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước</i>		0	0	0	0	0	0
35	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý	CQ, TC, ĐV						
36	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thanh tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV						
37	Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vi phạm việc thực hiện pháp luật về PCTN	CQ, TC, ĐV						
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		0	0	0	0	0	0
	<i>Qua việc công tác kiểm tra và tự kiểm tra của các cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>							
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Vụ						
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước	Người						
40	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ						
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Người						

42	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng	Vụ						
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động chống tham nhũng	Người						
	<i>Qua hoạt động thanh tra, giám sát</i>							
44	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ						
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người						
46	Số vụ phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Vụ						
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán	Người						
	<i>Qua phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>							
48	Số đơn, phản ánh, tố cáo và xử lý phản ánh, giải quyết tố cáo có hành vi tham nhũng	Đơn, phản ánh						
49	Số báo cáo và xử lý báo cáo có hành vi tham nhũng	Báo cáo						
50	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng	Đơn,						

	thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức, đơn vị	phản ánh, báo cáo						
51	Số đơn, phản ánh, tố cáo và báo cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn, phản ánh, báo cáo						
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ						
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người						
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>							
54	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ						
55	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được quan chức năng khởi tố	Người						
	<i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>							
56	Số người được bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người						
57	Số người được khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người						
58	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người						

59	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó:	Người						
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ							
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương							
	+ Tặng Giấy khen							
	XỬ LÝ THAM NHŨNG		0	0	0	0	0	0
60	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử	Vụ						
61	Số đối tượng bị kết án tham nhũng, trong đó:	Người						
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người						
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người						
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người						
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người						
62	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ						
63	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người						
64	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ						
65	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người						
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>							

66	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng						
67	Đất đai	m ²						
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>							
68	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng						
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính							
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp							
69	Đất đai	m ²						
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính							
	+ Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp							
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>							
70	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng						
71	Đất đai	m ²						

* PHỤ LỤC 2: Không có các văn bản còn sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực.

* PHỤ LỤC 3: Tại Công ty không có vụ tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo. *B*



PHỤ LỤC 4

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2021

(Kèm theo Báo cáo số 284/BC-XSKT ngày 14/9/2022 của Công ty)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ																
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản		6		16		3		15		7		6		53	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản							1				3		4		
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	2	2	2	2	2	2	3	3	1	1	1	1	11	11	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ														0	
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng														0	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)																
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN																
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng															
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng															
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng															
1.4	Các nội dung khác																
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN																

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18
1	2	3																
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:																	
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>																
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)																	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng																
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:																	
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>																
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	<i>triệu đồng</i>																

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<i>Các nội dung khác</i>																
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng															
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng															
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng															
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng															
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng															
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ																
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị															
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị															
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng															
4	Các nội dung khác																
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước																
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)																
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc															
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc															
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc															
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc															

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng															
2	Tài sản khác																
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản															
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản															
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng															
3	Các nội dung khác																
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng																
1	Trong đầu tư xây dựng														0	0	
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án															
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng															
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng															
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng															
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng															
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng															
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng															
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án															
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ																
	Số lượng	dự án															
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng															
2	Trụ sở làm việc																
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	2139,6	2139,6	2139,6	2139,6	2139,6	2139,6	2516,32	2516,32	2516,32	2516,32	2516,32	2516,32	2516,32	2516,32	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2							376,72	376,72	376,72	376,72	376,72	376,72	376,72	376,72	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2															
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2															
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2															
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng															
3	Nhà công vụ														0	0	
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2															
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2															
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2															
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2															
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2															
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng															
4	Các nội dung khác																
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên																
1	Quản lý, sử dụng đất														0	0	
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2															
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2															
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng															
1.4	Các nội dung khác																
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác														0	0	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ															
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng															
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được														0	0	
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án															
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng															
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt																
4	Các nội dung khác																
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước																
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ													0	0	
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng													0	0	
3	Các nội dung khác														0	0	
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp																
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh																
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	491	-68	268	-82	82	-190	290	-41	241	-43	43	-158	1.415	-582	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	60	-36	116	-34	134	-31	41	-31	-89	-31	25	-57	287	-220	
	Tiết kiệm điện	Kw/h (triệu đồng)	30	-20	40	-19	29	-25	35	-18	8	-18	18	-26	160	-126	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tấn (lít) triệu đồng	30	-16	76	-15	105	-6	6	-13	-97	-13	7	-31	127	-94	
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	448	-221	208	-345	974	460	887	107	-357	-357	-552	-356	1.608	-712	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng													-	-	
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng													-	-	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng															
2	Quản lý đầu tư xây dựng																
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án															
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án															
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được																
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng															
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng															
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng															
	<i>Thăm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng															
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn																
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án															

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Tổng giai đoạn 2016-2021		Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>															
2.5	Các nội dung khác																
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN																
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	<i>triệu đồng</i>															
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	<i>triệu đồng</i>															
4	Mua sắm phương tiện																
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con																
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	<i>chiếc</i>	6	6	6	6	5	5	5	5	6	6	5	5	33	33	
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	<i>chiếc</i>		1						1					0	2	
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	<i>triệu đồng</i>		607						936					0	1.543	
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	<i>chiếc</i>		1		1						1			0	3	
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	<i>triệu đồng</i>				110									0	110	
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	<i>chiếc</i>															
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	<i>chiếc</i>															
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	<i>triệu đồng</i>															

UBND TỈNH NINH THUẬN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN



XỔ SỐ KIẾN THIẾT

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ CÁC DNNN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ
GIAI ĐOẠN 2016-2021**

PHỤ LỤC 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Kèm theo Báo cáo số 284/BC-XSKT ngày 14/9/2022 của Công ty)

	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016- 2021	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	DNNN- Xổ số kiến thiết									
I	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh									
1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	-68	-82	-190	-41	-43	-158	-582	
2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	-36	-34	-31	-31	-31	-57	-220	
2.1	Tiết kiệm điện	Kw/h	-20	-19	-25	-18	-18	-26	-126	
2.2	Tiết kiệm xăng, dầu	Tân (lít)	-16	-15	-6	-13	-13	-31	-94	
3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	-221	-345	460	107	-357	-356	-712	

	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016-2021	Ghi chú
4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng								
5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng								
6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng								
II	Quản lý đầu tư xây dựng									
1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án								
2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án								
3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được									
3.1	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>								
3.2	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>								
3.3	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>								
3.4	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>								
4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn									

	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016- 2021	Ghi chú
4.1	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án								
4.2	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng								
5	Các nội dung khác									
III	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước									
1	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng								
2	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng								
3	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng								
IV	Mua sắm phương tiện									
1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con									
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	6	6	5	5	6	5	33	
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	1			1			2	
1.3	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	chiếc	607			936			1.543	
1.4	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc	1	1				1	3	

	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Tổng giai đoạn 2016- 2021	Ghi chú
1.5	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng		110					110	
2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc								
2.1	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc								
2.2	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng								
V	Nợ phải thu khó đòi									
1	Số đầu kỳ	triệu đồng								
2	Số cuối kỳ	triệu đồng								
VI	Vốn chủ sở hữu									
1	Số đầu năm	triệu đồng	54.517	50.000	50.000	55.769	60.527	63.105	333.918	
2	Số cuối kỳ	triệu đồng	50.000	50.000	55.769	60.527	63.105	66.274	345.675	
A	DOANH NGHIỆP									
	<i>Thông tin như trên</i>									